

Chuyện về Bài Hát "Cái Cò"

của Nguyệt Ánh

Cao Đắc Tuấn

1.



6:32

Cái Cò - Hoàng Thục Linh
by Huỳnh Phi Tiến

Cao-Đắc Tuấn (*Danlambao*) - Nhạc sĩ Nguyệt Ánh viết ca khúc "Cái Cò" nói về sự hy sinh và nỗi cực nhọc của những người vợ chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) sau khi chồng bị bắt đi tù cải tạo hoặc khi chồng tuấn tiết trong trận chiến khi quân cộng sản Bắc Việt xâm chiếm miền Nam Việt Nam vào năm 1975. "Cái Cò" là một tác phẩm có giá trị văn chương và lịch sử cao. Là một tác phẩm văn chương, "Cái Cò" gói ghém những tinh hoa của các kỹ thuật thi ca và văn học truyền thống Việt Nam như ca dao và thành ngữ, nói lên những đức tính hy sinh, cần cù, can đảm, tháo vát, và chịu đựng của phụ nữ Việt Nam. Là một tác phẩm lịch sử, "Cái Cò" ghi nhận cuộc sống đen tối của dân miền Nam sau năm 1975, nhất là vào cuối thập niên 1970 cho tới suốt thập niên 1980, và sự tàn bạo của cộng sản Bắc Việt đối với quân cán chính VNCH và thân nhân họ sau ngày cộng sản chiếm đóng miền Nam Việt Nam vào năm 1975.

Nguyệt Ánh biểu lộ một tài năng khác thường trong "Cái Cò" qua kỹ thuật xếp đặt giai điệu nhẹ nhàng với những thay đổi lên xuống thích hợp cho những hành động hy sinh và cần cù của người vợ, và cách dùng các kỹ thuật mô tả dung hòa việc tạo sóng động và gây cảm xúc cho người nghe. Ngoài việc dùng những ẩn dụ tuyệt vời, Nguyệt Ánh phối hợp cách dùng từ ngữ theo kiểu thành ngữ truyền thống Việt Nam với những từ ngữ mô tả mạnh mẽ rất hiệu quả. Qua những kỹ thuật tinh vi, câu chuyện của những người vợ chiến sĩ VNCH được kể trung thực rất cảm động và tạo tác dụng mạnh trên người nghe.

Tôi có dịp nói chuyện với nhạc sĩ Nguyệt Ánh qua điện thoại vào ngày 27-4-2015. Cô chia sẻ với tôi về ca khúc "Cái Cò" và trả lời vài câu hỏi của tôi về bài

hát. Cô cho biết cô viết "Cái Cò" trong 4 năm, từ khoảng năm 1995 cho tới năm 1999, và đó là bài hát cô bỏ nhiều thì giờ nhất. So với những bài cô chỉ mất 5, 10 phút để viết, 4 năm quả thật là một thời gian dài. Nhưng ta phải hiểu điều đó không có nghĩa Nguyệt Ánh suy nghĩ viết "Cái Cò" liên tục trong 4 năm. Những người viết nhạc, làm thơ, viết văn, vẽ, hoặc làm những công trình sáng tạo đều biết tầm quan trọng của cảm hứng. Không có cảm hứng, một nhạc sĩ, thi sĩ, hoặc văn sĩ khó lòng mà tiếp tục. Nguyệt Ánh cho tôi biết quá trình viết "Cái Cò" thường bị gián đoạn vì cô thấy vài chỗ "không ổn" và do đó phải sửa đổi. Cô tiếp tục thu lượm những mẫu chuyện có thật do những người trong cuộc, những người vợ chiến sĩ VNCH hoặc con cháu họ, kể lại. Chính những câu chuyện có thật rất thương tâm và cảm động này cho Nguyệt Ánh cảm hứng để viết lời cho bản nhạc. Ngoài ra, vì "Cái Cò" ghi nhận những mẫu chuyện có thật này, nó còn là tài liệu ghi nhận của lịch sử truyền khẩu (oral history).

Sau đây là tiểu sử vắn tắt của tác giả.



Nhạc sĩ và ca sĩ Nguyệt Ánh tên thật là Nguyễn Thị Nguyệt Ánh. Cô là con của Đại Tá Nguyễn Văn Y, người chỉ huy cơ quan tình báo VNCH đầu tiên. Năm 1975 khi cộng sản chiếm đóng miền Nam Việt Nam, cô cùng cha mẹ và anh chị em di tản bằng đường biển, sau đó qua Mỹ và định cư tại tiểu bang Virginia (Việt Báo 2012). Cùng với Việt Dzũng và các ca/nhạc sĩ khác, Nguyệt Ánh tổ chức phong trào Hưng Ca tại hải ngoại, hiện có các chi nhánh Đoàn Hưng Ca tại Âu Châu, Úc Châu, và Hoa Kỳ. Qua những hoạt động văn nghệ trên khắp thế giới, nhạc sĩ Nguyệt Ánh tích cực tham gia nhiều hoạt động xã hội và tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam trong suốt mấy chục năm qua.

Nguyệt Ánh là tác giả nhiều ca khúc đấu tranh (Xem, Phong trào Hưng ca Việt Nam), thí dụ như: Anh Vẫn Mơ Một Ngày Về (Em Vẫn Mơ Một Ngày Về), Cái Cò, Bài Ca Hội Ngộ, Bài Ca Nhân Bản, Bài Hát Chống Xâm Lãng, Biển Đông Dâng Sóng Tự Do, Chào Little Sài Gòn, Coi Chừng Cái Lũ Công An, Dậy Mà Đi, Đêm Thương Nhớ Người, Mơ Tự Do, Không Ai Ngăn Được Lời Ca, Một Góc Quê Nhà, Mưa Trên Quê Hương Tôi (thơ: Đào Trường Phúc), Nước Cuốn

Hoa Roi, Nước Mắt Biển Đông, Tình Ca Cho Nhau, Hát Cho Ngày Sài Gòn Quật Khởi, Một Lần Đi, Mưa Sài Gòn Còn Buồn Không Em, Mưa Sài Gòn Nắng Cali, Nắng Quê Hương, Nước Trôi Mồ Mệ (thơ: Võ Đại Tôn), Sao Đành Xa Em (Sao Đành Xa Anh, Xin Đừng Bỏ Anh), Tiến Quân, Trả Ta Sông Núi, Việt Nam Muôn Năm, Xuống Đường, v.v...

Nguyên văn lời bài hát "Cái Cò" như sau, theo lời hát của chính tác giả Nguyệt Ánh (Nguyệt Ánh):

*Cái cò lặn lội bờ sông, gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.
Thương em dạ sắt lòng son, một thân đơn chiếc nuôi con thắm chồng
Bàn tay ai tốt vàng ròng, bàn tay em nứt máu hồng tuôn rơi
Nhìn nhau muốn nói vạn lời, mà tim se thắt rồi bờ tâm can.*

*Cái cò ngày nay không còn gánh gạo
Gạo đã thành một quá khứ xa xôi
Cái cò ngày nay xuống biển tìm mồi
Ngô sắn khoai sùng ăn cầm chừng, nước mắt tuôn rơi.*

*Cái cò lặn lội bờ ao, bán giọt máu đào nuôi dưỡng đàn con.
Thương em lội suối trèo non, vùng kinh tế mới nuôi con thay chồng
Biển dâu đã hóa ruộng đồng, nhà tan nước mắt vợ chồng chia ly
Chồng đi cải tạo không về, vợ đi tay cuốc tay cày đất hoang.*

*Cái cò ngày nay mơ tìm chén gạo
Giọt máu đào dành để bán nuôi con
Cái cò ngày nay gói mồi chân mìn
Vai gánh vai gồng đi thăm chồng, cách núi ngăn non.*

*Cái cò lặn lội bờ đê, đôi khổ trăm bề nước mắt đầy vơi.
Thương em tuổi mới đôi mươi, vì con quốc biển hoa trôi hương tàn
Chiều trên quốc lộ kinh hoàng, chồng em tuẫn tiết máu tràn như sông
Chồng em chiến sĩ anh hùng, vì dân chiến đấu thác cùng muôn dân.*

*Cái cò ngày nay đã thành góa phụ
Tay dắt mẹ chồng tay dắt đàn con
Muốn về làng quê, quê cũ không còn
Giặc bắt lên rừng đi vào vùng, chướng khí lam sơn.*

*Cái cò lặn lội bờ nương, vết cồng đào đường gió rét lạnh căm.
Chồng em giặc bắt biệt tăm, từ Nam từ Bắc biết thăm nơi nào
Một đêm gió lộng mưa gào, được tin anh đã đi vào thiên thu
Chồng em chết giữa ngục tù, khổ sai đói rét cộng thù giết anh.*

*Cái cò một thân lên vùng đất lạ
Đến trại tù tóc quán vành tang
Đếm từng mồ hoang máu lệ hai hàng
Đau xót cho chồng không mộ phần, không khói không nhang.*

Trong bài này, tôi sẽ trình bày nhận xét về nội dung và hình thức của "Cái Cò." Ngoài ra, như trong các bài viết về âm nhạc trước, tôi sẽ chú trọng thảo luận chi tiết về các khía cạnh văn chương của lời nhạc. Tôi dùng "khán giả" để chỉ người nghe, người đọc, và người xem.

A. Bối cảnh lịch sử và văn chương của ca khúc "Cái Cò" về vợ người tù cải tạo và ý nghĩa con cò:

Ca khúc "Cái Cò" kể nỗi đau khổ và sự hy sinh của người vợ tù nhân trong các trại tù cải tạo tại Việt Nam sau ngày cộng sản chiếm đóng miền Nam năm 1975. Ngoài khía cạnh lịch sử về trại tù cải tạo, bài hát còn dựa vào hình ảnh con cò để mô tả người vợ tù nhân cải tạo. Hai khía cạnh lịch sử và văn chương này đem những sắc thái đặc biệt cho "Cái Cò" ít thấy trong những ca khúc khác.

1. Tù nhân trong tù cải tạo bị đối xử dã man và vợ con họ sinh sống cực khổ vì bị kỳ thị:

Sau sự sụp đổ miền Nam Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, cộng sản Bắc Việt bắt đầu chiến dịch đàn áp có hệ thống và tàn bạo trên những người Việt Nam, đặc biệt là những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) cũ. Hàng trăm ngàn nhân viên quân sự miền Nam và công chức dân sự chính phủ VNCH bị đưa đến các trại cải tạo, một danh từ ngụy trang cho ngục tù, nơi từ hàng chục ngàn tới hàng trăm ngàn người chết vì đói, lạm dụng, bệnh, và hành quyết (Courtois 1999, 572; Duiker 1995, 110; Duiker 1996, 363; Freeman 1995, 23; Sorley 1999, 383; Võ 2004, 32).

Cải tạo thực hiện bởi cộng sản Việt Nam vừa là một phương tiện trả thù vừa là một phương pháp áp bức và nhồi sọ (Sagan và Denney 1982).

Theo Lewis Sorley (1999), một sử gia Hoa Kỳ có uy tín, có lẽ "65.000 người bị xử tử bởi những người giải phóng họ" và "có đến 250.000 người bỏ mạng trong những trại cải tạo tàn bạo" (Sorley 1999, 383).

Có hàng trăm trại tù cải tạo, rải trên khắp toàn thể Việt Nam cả ba miền Nam, Trung, Bắc (Nguyen 1983, 201-203).

Những ước tính khác cho thấy 1 triệu nạn nhân đã bị giam giữ không bị chính thức kết tội hay xét xử, 165.000 nạn nhân chết tại các trại tù cải tạo, và có ít nhất 150 trại tù cải tạo sau khi Sài Gòn sụp đổ (Đỗ Ngọc Uyên; Đỗ 2010).

Trong các trại tù cải tạo, tù nhân bị đối xử vô nhân đạo qua những kỹ thuật như bỏ đói, thiếu thốn chăm sóc y khoa, khủng bố, tra tấn, và xử tử tức khắc (Nguyen 1983, 210-217; Vo 2004, 121-126; 133-142; 151-158).

"Bị thường xuyên bỏ đói và khổ sai, những tù nhân VNCH trong các trại cải tạo chịu đựng đủ loại bệnh hoạn, đưa đến hàng ngàn cái chết không ghi số" (Wiest 2008, 284).

Hành quyết tù nhân trong tù cải tạo thường xảy ra tại chỗ và không theo thể lệ thích đáng hoặc chỉ là hình thức đại khái (Vo 2004, 139; Hồ 2008).

Việc không chôn cất người chết cũng dùng để nhục mạ gia đình nạn nhân (Vo 2004, 141).

Rất nhiều vụ hành quyết xảy ra bất hợp pháp và luôn được che giấu. Do đó, rất nhiều tù nhân mất tích, không rõ sống chết thế nào. Xác họ không bao giờ được trả về cho gia đình, và khiến cho biết bao nhiêu gia đình đau khổ vì nạn nhân không được chôn cất tử tế để được cúng kiến cho siêu thoát (*sđđ.*, 142).

"Và bằng lối hành xử dã man, rừng rú này, cộng sản đã phạm 5 trong số 11 Tội Ác chống Nhân Loại (Crimes against Humanity) theo luật pháp quốc tế" (Đỗ Ngọc Uyên).

Thành viên gia đình của những người phục vụ cho Việt Nam Cộng Hòa hoặc QLVNCH bị đối xử như là chia tội họ (Denney 1990). Con cháu các viên chức chính phủ và sĩ quan quân đội chế độ cũ bị kỳ thị trầm trọng (*sđđ.*). Các thành viên gia đình bị từ chối việc làm và con cái họ không được phép hoàn thành cấp độ giáo dục cao hơn (Freeman 1995, 93; Nguyễn 2012, 529).

Thăm nuôi tù cải tạo rất quan trọng cho tù nhân. Ngoài chuyện được người thân yêu "thăm," người tù còn được thực sự "nuôi" vì người đến thăm mang theo thực phẩm (Sagan và Denney 1982). Vợ của những người tù cải tạo thường là những người đàn bà không có nghề nghiệp chuyên môn và là nội trợ thuần túy. Khi chồng bị đi tù cải tạo, họ và con cái phải làm việc cực nhọc, nhiều khi phải xin xỏ, từ thức ăn tới quần áo. Con cái họ phải lo thân như bán báo, xin ăn, hoặc mò thùng rác. Họ làm việc cực khổ đêm ngày tại vùng kinh tế mới cho hai bát cơm mỗi ngày (Vo 2004, 126). Với những người có khả năng đi thăm nuôi, chuyến đi tới trại tù thường nguy hiểm vì trại tù ở xa xôi, thiếu thôn đường xá và an ninh ở vùng quê (*sđđ.*, 127).

Vùng kinh tế mới là sáng kiến của đảng cộng sản để cô lập và kiểm soát dân. Trên lý thuyết, các vùng kinh tế mới gia tăng sản xuất thực phẩm; nhưng trên thực tế chỉ là các trại tập trung nằm tại các nơi núi rừng sốt rét, đất đai khó trồng trọt, và chỉ là các dự án lao động cưỡng bách (Sagan và Denney 1982; Nguyen 1983, 222). Gia đình những người tù cải tạo bị ép buộc phải tới vùng kinh tế mới (Sagan và Denney 1982). "Để bắt buộc dân đến vùng kinh tế mới, đảng cộng sản Việt Nam dùng những thủ đoạn như hăm dọa tống họ đến trại tù cải tạo, thu hồi thẻ khẩu phần để họ không còn có thể mua nhu yếu phẩm hàng ngày như gạo và quần áo ở giá chính thức, và không cho phép con cái họ đi học" (Nguyen 1983, 219).

Ngoài những tài liệu nghiên cứu khách quan do các học giả lịch sử có tên tuổi, có rất nhiều hồi ký, lời tường thuật, của các tù nhân cải tạo và những người vợ của các tù nhân cải tạo (Xem, thí dụ như, Chúc Thuần, Hồ 2008, Kale 2002, Nguyễn 2003, Thanh Minh, Trần 2015) nói về cách đối xử tàn nhẫn vô nhân đạo của cộng sản với tù nhân trong các trại tù và cuộc sống nhọc nhằn của những người vợ tù cải tạo. Sự ngược đãi và chính sách tàn bạo của nhóm cầm quyền cộng sản với các tù nhân cải tạo và thân nhân họ là một sự thật không thể chối cãi được. Tuy nhiên, vào tháng tư năm 2015, giáo sư Vũ Quang Hiến của Đại học Quốc gia Hà Nội tuyên bố rằng không có ngược đãi các quân cán chính VNCH sau 1975 và không có tù đầy tại các trại tập trung cải tạo (BBC 2015). Sự chối bỏ một sự thật hiển nhiên qua một sử gia quốc doanh cộng sản cho thấy tâm địa gian manh và đầu óc ngu xuẩn của nhóm cầm quyền cộng sản tại Việt Nam hiện nay. Gian manh vì chúng muốn ếm nhem và bao che tội ác chúng. Ngu xuẩn vì việc ếm nhem và bao che đó có phản tác dụng mạnh mẽ, vì người dân sẽ tự hỏi, "Với những việc hiển nhiên rõ ràng như vậy mà chúng còn chối bỏ, thì với những việc chưa được phanh phui, chúng còn bao che và lấp liếm như thế nào?"

2. Con cò được dùng để ám chỉ người đàn bà Việt Nam cho sự cần cù làm việc và lòng dạ trong sạch:

Văn chương Việt Nam, nhất là ca dao tục ngữ, thường dùng thú vật làm biểu tượng hoặc ẩn dụ cho nhân vật hoặc khái niệm nào đó. Có những hình ảnh thông thường được nhiều dân tộc khác trên thế giới dùng. Thí dụ như chim bồ câu tiêu biểu cho hòa bình, ong bướm cho chuyện ái tình liên hệ tình dục trai gái, chó cho lòng trung thành. Có những con vật đặc biệt dùng trong văn chương Việt Nam cho các biểu tượng đặc thù. Thí dụ, con cá cho con cái trong nhà (*Cá không ăn muối cá ươn/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư*), con chim cho con gái ("*Chim khôn lột ổ lựa nhành/ Gái khôn lựa chốn trai lành gửi thân*").

Tuy nhiên, một biểu tượng đặc sắc nhất trong văn chương Việt Nam là con cò dùng làm biểu tượng cho phụ nữ Việt Nam dưới vai trò người mẹ hoặc người vợ (Wikipedia 2015). Biểu tượng con cò cho phụ nữ Việt rất có ý nghĩa vì nhiều lý do như sau.

Trước hết, con cò là một sinh vật thường thấy trong vùng đồng quê Việt Nam. Do đó, con cò mang nặng hình ảnh đất nước Việt Nam và liên hệ đến cuộc sống hàng ngày của dân Việt vì đồng quê là phần quan trọng của đời sống dân Việt.

Thứ nhì, con cò có hai chân khằng khiu, cánh cò mỏng manh, thân hình nhỏ bé, cho thấy thể chất yếu đuối của người phụ nữ. Tuy nhiên, hình ảnh mỏng manh đó tương phản với ý chí kiên trì và nhẫn nại của cò và do đó nói lên được sức mạnh tinh thần của người phụ nữ Việt Nam.

Thứ ba, con cò đi kiếm ăn hoặc lấy mồi nuôi con với một mức độ kiên trì, cần cù, và nhẫn nại thật đáng kể (Sue 2014). Cò săn mồi theo cơ hội, dò dẫm qua các vũng nước cạn nơi đồng ruộng ao hồ, ngoạm mồi bằng mỏ nhọn. Bản chất cần cù, kiên trì thường có với người phụ nữ Việt Nam qua việc nuôi con, tần tảo, làm lụng, trong việc quán xuyến mọi việc trong gia đình. Người mẹ, người vợ Việt Nam hy sinh cho con, cho chồng, chăm cùi kiếm sống, chịu đựng mọi muôn ngàn đắng cay cho con, cho chồng như được thể hiện qua câu ca dao sau (Wikipedia 2015):

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.*

Thứ tư và đặc biệt nhất, con cò có lông màu trắng, tượng trưng cho sự tinh khiết và trong sạch, một đặc điểm của phụ nữ Việt Nam. Ý nghĩa này được nổi bật trong câu ca dao sau (Huy 2014; Wikipedia 2015):

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Đã có nhiều thảo luận cho việc dùng "con" và "cái" cho giống đực và giống cái. (Xem thí dụ như, Ngô 2009; Nguyễn 2007; Nguyễn 2010). Tuy vẫn còn nhiều tranh cãi, thông thường, chữ "cái" khi dùng để ám chỉ giới tính thường ngụ ý phái nữ. Tuy "con cò" là danh từ chung có thể dùng cho cả giống đực và giống cái, "cái cò" đặc thù dùng cho giống cái một cách nhấn mạnh.

B. Bài hát kể cuộc đời nhọc nhằn của người vợ lính VNCH và tù cải tạo dưới sự đối xử tàn nhẫn vô nhân đạo của cộng sản

Ca khúc "Cái Cò" kể những nỗi khổ đau và cực nhọc của những người vợ chiến sĩ VNCH và tù nhân tại các trại cải tạo sau năm 1975. Bài hát không nói về câu chuyện của một người vợ nào, mà là câu chuyện tổng quát về cuộc đời những người vợ của quân cán chính VNCH sống trong chuỗi ngày làm than dưới sự áp bức của nhóm cầm quyền cộng sản sau 1975.

Bài hát mở đầu bằng cuộc gặp gỡ ngắn giữa người chồng trong tù cải tạo và người vợ đi thăm nuôi chồng. Người vợ trèo non lội suối đi thăm nuôi chồng là tù cải tạo trong trại tù xa xôi. Nàng thương nhớ chồng và khóc cho thân phận bị ngược đãi ("*Cái cò lặn lội bờ sông, gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non*").

Câu mở đầu này lấy từ câu ca dao, tạo nên nền tảng của câu chuyện về người vợ tần tảo nuôi chồng.

Gặp nhau trong giây phút ngắn ngủi, người chồng thương xót cho vợ mình kiên tâm trì chí, chung thủy với chồng. Chỉ có một thân một mình, nàng tận tụy nuôi con và thăm viếng chồng bị tù đày xa xôi ("*Thương em dạ sắt lòng son, một thân đơn chiếc nuôi con thăm chồng*"). Trong khi tay những người đàn bà khác đẹp đẽ tươi tốt như vàng bạc, tay của nàng nứt nẻ khô cằn rướm máu vì làm lụng cực khổ ("*Bàn tay ai tốt vàng ròng, bàn tay em nứt máu hồng tuôn rơi*"). Hai người nhìn nhau trong cuộc hội ngộ ngắn ngủi, muốn nói với nhau biết bao nhiêu lời kể lể tâm sự, nhưng nổi tái tê và hỗn loạn tâm hồn khiến họ không nói nên lời ("*Nhìn nhau muốn nói vạn lời, mà tim se thắt rồi bời tâm can*").

Người vợ bây giờ không còn gánh gạo nữa vì lúa gạo không có, là thứ xa xỉ phẩm, và thuộc về quá khứ. Nàng bòn thức ăn từng chút một, như ngô sắn khoai sùng, để ăn sống qua ngày trong nỗi khổ đau buồn thảm ("*Cái cò ngày nay không còn gánh gạo/ Gạo đã thành một quá khứ xa xôi/ Cái cò ngày nay xuống biển tìm môi/ Ngô sắn khoai sùng ăn cầm chừng nước mắt tuôn rơi*"). Cảnh thiếu ăn, thiếu gạo là thực trạng xảy ra tại Việt Nam sau ngày cộng sản Bắc Việt chiếm đóng miền Nam. Sau khi thu chiếm miền Nam, nhóm cầm quyền cộng sản Bắc Việt phá hoại kinh tế đất nước và đem mức sản xuất nông nghiệp của miền Nam có thời cao nhất Đông Nam Á xuống thấp nhất, đến độ phải vay mượn thực phẩm từ các quốc gia khác. Trong cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, dân Việt không còn được ăn gạo thường xuyên nữa. Tại Sài Gòn, "đô thị lớn nhất miền Nam từ thừa mứa gạo trong suốt 300 năm qua, lần đầu phải ăn độn khoai mì, khoai lang, kể cả bo bo, thứ hạt cứng ngắc mà Liên Xô viện trợ" (Quốc 2015a). "Loại bo bo mà dân Việt một thời phải trệu trạo nhai để sinh tồn còn gọi lúa miến (sorghum)" (Quốc 2015b). Khoai sùng là loại khoai lang bị sùng ăn và phá hoại. Sùng, còn gọi là sùng đất hoặc bọ dím, hà, là ấu trùng của bọ hung. Chúng ăn và phá ruột củ khoai khiến củ khoai thay đổi mùi vị, trở thành đắng và không thể ăn được, ngay cả cho gia súc.

Người vợ không quản khó nhọc, vẫn ráng làm lụng cực khổ để nuôi đàn con nheo nhóc. Tài sản đã mất hết, không còn gì để bán nữa, nàng chỉ còn những giọt máu đào trong cơ thể phải bán đi để có tiền hoặc tem phiếu cho thực phẩm mang về nuôi con. Nàng bị ép buộc phải lội suối trèo non đi tới vùng kinh tế mới xa xôi, cố gầy dựng cuộc sống nơi đất đai cằn cỗi, làm lụng thay chồng nuôi đàn con ("*Cái cò lặn lội bờ ao, bán giọt máu đào nuôi dưỡng đàn con/ Thương em lội suối trèo non vùng kinh tế mới nuôi con thay chồng*"). Hình ảnh người dân bán máu để sinh sống không xa lạ gì với dân Việt Nam, ngay cả hiện nay. Trong cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, dưới thời bao cấp, cuộc sống người dân rất cực khổ, thức ăn thiếu thốn. Do đó, dân nảy ra nhiều kế sinh nhai. Một trong những kế sinh nhai đó là "nghề" bán máu. "Những người bán máu là những người dân nghèo nhất; họ không còn gì khác để bán nữa" (Thành 2002).

Ngoài ra, như trình bày ở trên, các vùng kinh tế mới chỉ là biện pháp nhóm cầm quyền cộng sản phân tán và kiểm soát dân. Người dân, nhất là thân nhân của những tù nhân cải tạo, bị ép buộc phải đi tới những nơi đất đai cằn cỗi, rất khó trồng trọt. Nhiều người phải bỏ vùng kinh tế mới, trở về thành phố đô thị, sống lây lất với người quen.

Cuộc đời dâu bể bây giờ biến thành cuộc đời sống còn. Đất nước đã bị cộng phi chiếm đóng, nhà cửa, tài sản bị chúng cướp đoạt, vợ chồng ly tán. Chồng bị bắt đi tù cải tạo biết bao nhiêu năm không thấy về. Vợ bị ép buộc đi vùng kinh tế xa xôi hẻo lánh, cày sâu cuốc bẫm đất đai cằn cỗi hoang vu, cố gắng trồng trọt (*Biển dâu đã hóa ruộng đồng, nhà tan nước mất vợ chồng chia ly/ Chồng đi cải tạo không về, vợ đi tay cuốc tay cày đất hoang*).

Nàng bây giờ chỉ ước mơ có được chén cơm bát gạo để nuôi con và sống qua ngày. Nàng phải lấy sức, để dành giọt máu đào để bán khi cần phải nuôi con. Nhưng cuộc sống quá gian nan, nàng kiệt lực vì làm lưng vất vả, bây giờ đầu gối chân và gót chân mòn mỏi vì phải lê bước khắp nơi. Thêm vào đó, nàng phải gồng gánh gói kiện thức ăn mang đến thăm nuôi chồng đi qua những nơi xa xôi hiểm trở, núi non ngăn trở (*"Cái cò ngày nay mơ tìm chén gạo/ Giọt máu đào dành để bán nuôi con/ Cái cò ngày nay gối mỏi chân mòn/ Vai gánh vai gồng đi thăm chồng cách núi ngăn non"*).

Nàng kéo lê cuộc đời cực khổ đói khát với nỗi đau buồn tức tưởi. Nàng còn quá trẻ, chỉ mới đôi mươi mà phải trải qua biết bao nhiêu đau thương trong cuộc đời vì biến cố quốc gia khiến cuộc đời nàng trôi nổi lầm than, nhan sắc phai tàn (*Cái cò lặn lội bờ đê, đói khổ trăm bề nước mắt đầy voi/ Thương em tuổi mới đôi mươi, vì cơn quốc biến hoa trôi hương tàn*).

Nàng tiêu biểu cho những người vợ của chiến sĩ VNCH đã anh dũng hy sinh cho tổ quốc hoặc bị cộng sản bắt giam trong những trại tù cải tạo tàn bạo sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Chồng nàng là người chiến sĩ tuấn tiết trên quốc lộ khi chống trả quân thù, không chịu đầu hàng trước lũ giặc xâm lăng. Máu anh tuôn ra lai láng như nước sông lan tràn. Anh ngã gục chết cùng với hàng ngàn người dân mà anh cố bảo vệ (*"Chiều trên quốc lộ kinh hoàng, chồng em tuấn tiết máu tràn như sông/ Chồng em chiến sĩ anh hùng, vì dân chiến đấu thác cùng muôn dân"*). Hình ảnh người lính VNCH tuấn tiết không đầu hàng giặc cộng sản là hình ảnh oai hùng nhất trong cuộc chiến, vì họ bảo tồn Danh Dự họ, theo đúng ba điều Trách Nhiệm, Danh Dự, và Tổ Quốc của QLVNCH. Trong cuộc chiến, có rất nhiều trường hợp lính VNCH tuấn tiết trong trận. Bài hát "Anh không chết đâu anh" của Trần Thiện Thanh nói đến viên đạn cuối cùng mà trung úy Nhảy Dù Nguyễn Văn Đương dùng để tuấn tiết năm 1971. Vào những ngày cuối cùng của miền Nam

Việt Nam, biết bao nhiêu chiến sĩ VNCH đã tuấn kiệt, từ binh sĩ tới năm vị tướng (Nguyễn 2015a; Nguyễn 2015b).

Chồng chết, nàng trở thành góa phụ, nhưng nàng vẫn không quên bổn phận làm dâu và người mẹ. Nàng dắt díu mẹ chồng và các con đi về quê. Nhưng quê nàng đã tan hoang. Nhà cửa tài sản đã bị lũ cộng sản chiếm đoạt. Nàng bị ép buộc đi lên nơi rừng sâu nước độc vùng kinh tế mới ("*Cái cò ngày nay đã thành góa phụ/ Tay dắt mẹ chồng tay dắt đàn con/ Muốn về làng quê, quê cũ không còn/ Giặc bắt lên rừng đi vào vùng chướng khí lam sơn*").

Nàng là thiếu phụ lặn lội kiếm ăn, vét công đào đường làm lưng cực nhọc, trong cơn gió lạnh rét căm căm. Chồng nàng bị giặc cộng sản bắt đi tù cải tạo, thay đổi trại tù từ Nam ra Bắc biệt tăm tin tức, khiến nàng không biết anh ở đâu để đi thăm nuôi ("*Cái cò lặn lội bờ mương, vét công đào đường cái rét lạnh căm/ Chồng em giặc bắt biệt tăm, tù Nam tù Bắc biết thăm nơi nào*"). Thế rồi, vào một đêm mưa giông bão tố, có người đến báo cho nàng một hung tin. Chồng nàng bị giặc cộng giết trong trại tù khi anh bị đói rét lao động cực hình ("*Một đêm gió lộng mưa gào, được tin anh đã đi vào thiên thu/ Chồng em chết giữa ngục tù, khô sai đói rét cộng thù giết anh*"). Chuyện tù cải tạo bị giết trong tù được biết rõ. Những vụ giết người có đủ mọi lý do: tù nhân trốn thoát, tù nhân làm loạn, theo dự tính trước với những tù nhân không có hành động phản kháng, bắn giết khơi khơi không có lý do (Vo 2004, 139-140).

Đau đớn cùng cực, nàng đi tới trại tù xa xôi, nơi vùng đất xa lạ. Đầu quấn khăn tang, nàng cố tìm mộ chồng. Nàng đi qua từng ngôi mộ hoang, hy vọng tìm được mộ bia khắc tên chồng, nhưng không tìm được mộ anh. Nước mắt đầm dề, nàng thương xót cho người chồng bất hạnh, chết đi mà không được chôn cất mộ phần để được khói nhang thờ phụng ("*Cái cò một thân lên vùng đất lạ/ Đến trại tù tóc quấn vành tang/ Đếm từng mộ hoang máu lệ hai hàng/ Đau xót cho chồng không mộ phần không khói không nhang*"). Đối với truyền thống văn hóa Việt Nam, không có mộ phần, nhang khói cho người chết là một nỗi đau đớn tui nhục nhất cho thân nhân người quá cố. Như đã trình bày trên, có rất nhiều vụ hành quyết xảy ra tại trại tù và xác nạn nhân thường không được trả về cho thân nhân. Đây là một hành động tàn ác nhất của cộng sản, tạo đau thương cho gia đình nạn nhân cho biết bao năm.

Tóm lại, "Cái Cò" không phải là một câu chuyện đặc biệt về một người vợ lính VNCH nào đó, mà là các câu chuyện tiêu biểu cho những người vợ chiến sĩ VNCH. Những người vợ này phải làm việc càn cù, thăm nuôi chồng nơi tù cải tạo xa xôi, đi tới các vùng kinh tế mới với đất đai hoang dã, nuôi đàn con và săn sóc cha mẹ chồng, làm tròn bổn phận của người con dâu, người vợ, và người mẹ. Họ phải chịu đựng nhọc nhằn, đói lạnh, và nỗi thống khổ khi người chồng chết trong chiến trận hoặc bị cộng sản giết trong ngục tù cải tạo.

C. Bài hát có giai điệu chậm buồn nhưng thay đổi, và lời ca có cấu trúc thẳng bằng với cách dùng chữ có hiệu quả:

Ca khúc "Cái Cò" là lời kể cuộc đời cực khổ lầm than của người vợ chiến sĩ VNCH. Bài hát thể hiện nỗi niềm thê lương này với giai điệu chậm buồn, được đưa đẩy khéo léo qua vần điệu của thể loại thơ lục bát, và có những đoạn thơ theo thể thức cố định tạo nên âm điệu và tiết tấu thay đổi.

Một đặc điểm của "Cái Cò" là cách dùng điệp ngữ để nhắc đi nhắc lại lời ca đi sâu vào tâm trí khán giả. Đây là hình thức của tiểu điệp khúc (refrain), rất thường dùng trong nhạc và thơ khi một hình ảnh quan trọng nào đó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tiểu điệp khúc là một hay hai câu trong một phiên khúc, thường nằm ở cuối hoặc ở giữa phiên khúc, và được lặp lại để tạo một tác dụng nào đó (thí dụ, tóm tắt, nhấn mạnh, vần điệu) cho phiên khúc đó. Tiểu điệp khúc không mang ý chính của toàn thể bài hát như điệp khúc, và thường chỉ có tác dụng trên phiên khúc đó mà thôi.

Bài hát gồm có bốn phiên khúc chính. Mỗi phiên khúc có hai phần. Mỗi phần khởi đầu bằng "cái cò" cho thấy hình ảnh con cò xuất hiện liên tục, khiến âm hưởng này được vang vang trên khắp bài và khán giả liên tục duy trì hình ảnh này trong suốt bài hát. Hình ảnh cái cò lặn lội săn mồi cũng được lặp đi lặp lại nhiều lần: "*lặn lội bờ sông,*" "*lặn lội bờ ao,*" "*lặn lội bờ đê,*" và "*lặn lội bờ mương.*" Trong cách dùng tiểu điệp khúc này, Nguyệt Ánh cho chút thay đổi, giúp cho hình ảnh được linh hoạt: con cò không bỏ sót chỗ nước nông nào để tìm thức ăn: sông, ao đê, mương. Con cò đi tìm thức ăn ở khắp nơi, nói lên sự cực nhọc của người vợ, lội suối trèo non, đi thăm nuôi chồng, đi làm lụng ở vùng kinh tế mới.

Bốn phiên khúc của bài hát theo quy luật khá chặt chẽ.

Phần đầu của mỗi phiên khúc là tám câu thơ lục bát. Câu thứ hai (câu tám chữ) của tám câu này phá luật gieo vần lục bát: vần gieo vào chữ thứ tư thay vì chữ thứ sáu:

*Cái cò lặn lội bờ sông,
gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.*

...

*Cái cò lặn lội bờ ao,
bán giọt máu đào nuôi dưỡng đàn con.*

...

*Cái cò lặn lội bờ đê,
đói khổ trăm bề nước mắt đầy voi.*

...

Cái cò lặn lội bờ mương,

vết cống đào đường gió rét lạnh căm.

Cách gieo vần biến thể này giúp cho âm điệu bài hát thêm phần linh động và tránh sự buồn tẻ đều đều khi mô tả những hoạt động đi kiếm ăn, làm lụng của con cò. Các câu thơ lục bát sau đó trong phiên khúc đa số gieo vần rất chỉnh, không gượng ép, giúp hình ảnh mô tả được trôi chảy một cách tự nhiên.

Phần thứ hai của mỗi phiên khúc là bốn câu với thể thức cố định: ba câu đầu có bảy hoặc tám chữ/ âm tiết có cùng trường độ và câu thứ tư có mười một chữ/ âm tiết. Thể thức cố định này tạo nên cấu trúc đặc thù cho bài hát và giúp cho giai điệu có được sự thay đổi để tránh âm điệu đều đều buồn tẻ. Ta biết những ca khúc được phổ thành nhạc từ thơ thường mắc phải một vấn đề là có tiết điệu đều đều, thiếu linh động, và do đó chỉ thích hợp cho một số câu chuyện hoặc tình tiết. Khi bài thơ gốc là thơ theo thể loại lục bát, vấn đề này lại càng trầm trọng hơn. Một thí dụ điển hình là ca khúc "Tưởng Như Còn Người Yêu" ("*Ngày mai đi nhận xác chồng/ Say đi để thấy mình không là mình...*") do Phạm Duy phổ nhạc từ bài thơ lục bát của thi sĩ Lê Thị Ý (Đình 2009). Bài hát này có tiết điệu đều đều, thích hợp với lời than khóc của một thiếu phụ mất chồng. Ngược lại, ca khúc "Cái Cò" không phải là lời than vãn thờ than của người vợ có chồng đi tù cải tạo mà là câu chuyện về cuộc đời cực khổ và những hy sinh lớn lao của người vợ chiến sĩ VNCH. Câu chuyện đó cần có những sắc thái linh động và giai điệu thay đổi để vẽ ra hình ảnh sống động của người vợ. Do đó, phần hai của mỗi phiên khúc cho nét thay đổi đó và giúp câu chuyện thêm phần xúc động.

Câu chót của phần hai là câu dài, gồm 11 chữ/ âm tiết. Nguyệt Ánh dùng câu dài này để diễn tả ý tưởng có chút phức tạp, giúp giai điệu thêm linh động và tiết tấu kéo dài tạo âm hưởng lan rộng. Ta hãy nghe âm hưởng của các câu dài này:

Ngô sắn khoai sùng ăn cầm chừng, nước mắt tuôn rơi.

...

Vai gánh vai gồng đi thăm chồng, cách núi ngàn non.

...

Giặc bắt lên rừng đi vào vùng, chướng khí lam sơn.

...

Đau xót cho chồng không mộ phần, không khói không nhang.

Trong mỗi câu, 7 chữ đầu mô tả hành động hoặc cảm xúc, 4 chữ sau đưa ra một khía cạnh tổng quát của hành động hoặc cảm xúc đó như để tóm tắt. Do đó, 4 chữ này có tiết tấu kéo dài vì tác dụng là tạo âm hưởng trên người nghe. Thí dụ, câu 7 chữ "*Ngô sắn khoai sùng ăn cầm chừng*" mô tả hành động ăn cầm chừng ngô sắn khoai sùng. Câu 4 chữ "*nước mắt tuôn rơi*" cho thấy hình ảnh tổng quát về hành động đó, và câu này cần được tạo tác dụng trên người nghe nên được kéo dài.

Nguyệt Ánh dung hòa kỹ thuật "cho thấy" và "kê" một cách điêu luyện, khiến khán giả vừa được lôi cuốn vào câu chuyện vừa có cảm xúc mạnh mẽ. Những từ ngữ "cho thấy" súc tích nhưng rất sống động, khiến câu ca càng tạo tác dụng mạnh mẽ trên khán giả. Thí dụ, "lặn lội," "tay . . . nứt," "tuôn rơi," "se thắt," "rối bời," "lội suối trèo non," "tay cuốc tay cày," "vai gánh vai gồng," "tuần tiết," "máu tràn," "tay dắt," "vét cống đào đường," "biệt tằm," "gió lộng mưa gào," và "máu lệ hai hàng." Bên cạnh những từ ngữ "cho thấy" này, những từ ngữ "kê" giúp dung hòa hình ảnh và tạo nên giao động lên xuống một cách cân bằng cho người nghe: "đói khổ trăm bề," "kinh hoàng," "thác cùng muôn dân," "đi vào thiên thu."

Ngoài ra, Nguyệt Ánh vận dụng nhóm chữ có bốn chữ có hai vé đối chiếu, thông dụng trong thành ngữ tiếng Việt, tạo nên hương vị dân tộc của lời ca, giúp khán giả liên tưởng ý nghĩa của con cò trong ca dao và tục ngữ. Các nhóm chữ bốn chữ này còn giúp câu thơ trôi chảy và tượng hình: "dạ sắt lòng son," "lội suối trèo non," "nhà tan nước mắt," "tay cuốc tay cày," "gối mỗi chân mòn," "vai gánh vai gồng," "cách núi ngăn non," "hoa trôi hương tàn," "chương khí lam son," "vét cống đào đường," "gió lộng mưa gào."

Nguyệt Ánh dùng mỹ từ rất hiệu quả. Với ẩn dụ cái cò cho người vợ bao trùm cả bài hát, Nguyệt Ánh khéo léo tiếp tục dùng những hoạt động của con cò là ẩn dụ cho các hành động của người vợ. Thí dụ, *Xuống biển tìm mồi* "cho thấy sự tảo bạo của con cò, thường chỉ săn mồi nơi vùng nước cạn, đi săn tới tận biển là nơi rất khó kiếm mồi. Câu đó là ẩn dụ cho sự liều mạng của người vợ lao đầu vào những nơi khó khăn kiếm sống vì bị quẫn túng. Các ẩn dụ khác cũng rất có tác dụng mạnh. Thí dụ "hoa trôi" cho cuộc đời trôi nổi, *hương tàn* cho nhan sắc tàn phai.

Nguyệt Ánh có biệt tài dùng ngôn từ đơn giản nhưng mạnh mẽ, gây cảm xúc mãnh liệt trên khán giả. Những từ ngữ này gợi hình và vẽ ra những hình ảnh quen thuộc. Thí dụ như "Vai gánh vai gồng," "Tay dắt mẹ chồng tay dắt đàn con," "tù Nam tù Bắc biết thăm nơi nào," "Đếm từng mồ hoang." Với những nhóm chữ đơn giản nhưng gợi hình tạo cảm xúc mãnh liệt, người nghe tưởng tượng hình ảnh nàng dắt mẹ chồng và đàn con, hai vai gồng gánh, chạy đôn chạy đáo từ Nam tới Bắc, bước đi đếm từng ngôi mộ hoang, hai hàng lệ rơi lả chả. "Cái Cò" khiến người nghe cảm thấy mũi lòng, xót thương cho người vợ, và ngậm ngùi cho cuộc sống đau thương của nàng.

Tóm lại, các phiên khúc trong "Cái Cò" có cấu trúc thăng bằng, xen lẫn các câu có âm tiết và thể thức không đồng đều với các câu lục bát êm ái, tạo nên nét linh hoạt và sống động cho câu chuyện buồn thảm cảm động của những người vợ lính VNCH có chồng hy sinh anh dũng hoặc bị bắt làm tù cải tạo. Kỹ thuật dung hòa giữa "cho thấy" và "kê," cách dùng chữ mạnh mẽ và những nhóm bốn chữ, tạo

nên một bức tranh sống động bộc lộ hình ảnh người vợ miền Nam Việt Nam cần cù, hy sinh cho chồng con.

Những câu chuyện có thật của những người vợ chiến sĩ VNCH được kể qua ca khúc "Cái Cò" một cách rất cảm động. Qua những chi tiết rõ rệt và mạnh mẽ, khán giả không thể không bồi ngùi và xúc động về cuộc đời đau thương và sự hy sinh to tát của những thiếu phụ miền Nam sống dưới sự đối xử tàn bạo của nhóm cầm quyền cộng sản.

D. Kết Luận:

Ca khúc "Cái Cò" nói lên các đức tính hy sinh, cần cù, tháo vát, và chịu đựng của những người vợ lính VNCH qua cuộc sống nhọc nhằn của họ trong việc làm lụng nuôi con khi không có chồng vì chồng chết trong chiến trận hoặc bị đi tù cải tạo. Bài hát ca ngợi lòng dạ sắt son chung thủy của những thiếu phụ chờ chồng trong ngục tù, và những cực khổ trong việc thăm nuôi chồng trong tù cải tạo xa xôi. Bài hát diễn tả ý tưởng hữu hiệu qua giai điệu êm ả nhẹ nhàng gây cảm xúc, cấu trúc thẳng băng, và cách dùng chữ linh động.

Tuy có những người vợ bỏ chồng vì không đủ kiên nhẫn chờ đợi hoặc vì có những cám dỗ khác, đa số người vợ miền Nam chờ đợi chồng trong tù đầy, làm lụng nuôi con, và chăm lo cha mẹ chồng. Những hy sinh to tát này thường không được biết ơn đầy đủ và không được nhắc nhở nhiều. Ca khúc "Cái Cò" đem lại những công lao thường bị bỏ quên đó và là lời chứng cho một quãng thời gian đen tối nhất trong lịch sử Việt Nam dưới sự đàn áp vô nhân đạo của nhóm cầm quyền cộng sản Bắc Việt.

CẢM TẠ

Tôi xin có lời cảm tạ nhạc sĩ Nguyệt Ánh đã bỏ thì giờ quý báu trong lúc bận rộn với các hoạt động văn nghệ để chia sẻ với tôi về việc viết ca khúc "Cái Cò" và trả lời những câu hỏi của tôi. Ngoài ra, tôi cảm ơn các bạn trên trang mạng Dân Làm Báo đã có lời khích lệ trong các bài về âm nhạc trước và giúp tôi có ý định viết bài này, đặc biệt là lời yêu cầu của bạn Thanh niên Việt.

Tài Liệu Tham Khảo:

BBC. 2015. '*Không có ngược đãi sau 30/4*'. 18-4-2015.

http://www.bbc.co.uk/vietnamese/multimedia/2015/04/150418_vuquanghien_vietnamwar (truy cập 26-4-2015).

Chúc Thuần. Không rõ ngày. *Tâm Sự Của Một Người Vợ Tù Nhân "Cải Tạo"*. Không rõ ngày.

<http://www.machsongmedia.com/lichsu/chuyenho/50-tam-s-ca-mt-ngi-v-tu-nhan-qci-toq.html> (truy cập 25-4-2015).

Courtois, Stéphane et al. 1999. *The Black Book of Communism, Crimes, Terror, Repression*, translated by Jonathan Murphy and Mark Kramer, Harvard University Press, Massachusetts, U.S.A.

Denney, Stephen. 1990. *Human Rights and Daily Life in Vietnam*.

<http://www.ocf.berkeley.edu/~sdenney/SRV-Discrimination-1990> (truy cập 25-4-2015).

Duiker, William J. 1995. *Vietnam: Revolution in Transition*, Second Edition, Westview Press, Colorado, U.S.A.

. 1996. *The Communist Road to Power in Vietnam*, Second Edition, Westview Press, Colorado, U.S.A.

Đình Quang Anh Thái. 2009. Lê Thị Ý: Tác giả 'Ngày mai đi nhận xác chồng'. 10/7/2009. http://www.dactrung.com/Bai-bv-2842-Le_Thi_y_Tac_gia_%27Ngay_mai_di_nhan_xac_chong%27.aspx (truy cập 26-4-2015).

Đỗ Ngọc Uyển. Không rõ ngày. *Tù Cải Tạo: Tội ác chống nhân loại của Cộng sản VN*. Không rõ ngày.

http://www.vietlist.us/SUB_Nannhancs/nannhancs_TL_42.shtml (truy cập 28-4-2015).

. 2010. *Tội Ác Thủ Tiêu Mất Tích 165,000 Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa*. 1-2010.

<http://vietnamdefence.info/toa-an-hinh-su-quoc-te-ve-vn-tq/toi-ac-vc-thu-tieu-165-ngan-quan-dan-can-chinh-vnch.htm> (truy cập 28-4-2015).

Nguồn: Dân Làm Báo

Gửi lên: **Lê-Thụy-Chi**

Ngày 13/3/4894 - Ất Mùi (01/5/2015)

www.vietnamvanhien.net